

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Phương án bảo vệ cát, sỏi lòng sông chưa
khai thác trên địa bàn tỉnh Kon Tum**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số Điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định về quản lý cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng, bờ, bãi sông;

Căn cứ Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;

Căn cứ Chỉ thị số 38/CT-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng và xuất khẩu khoáng sản;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 2796/STNMT-KS ngày 13 tháng 10 năm 2020 về việc ban hành Phương án bảo vệ cát, sỏi lòng sông chưa khai thác trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Phương án bảo vệ cát, sỏi lòng sông chưa khai thác trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

(có Phương án kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Giao thông vận tải, Nội vụ; Thủ trưởng các cơ quan: Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Cục Thuế tỉnh, Cục Quản lý thị trường tỉnh Kon Tum, Báo Kon Tum, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh; Chủ tịch Ủy

ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; các tổ chức, cá nhân sử dụng đất, mặt nước; các tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản cát, sỏi; các tổ chức, cá nhân kinh doanh, tập kết cát, sỏi và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam;
- Các sở, ban ngành, đơn vị thuộc tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh: CVP, PVP_{NNTN};
- Lưu: VT, NNTN.HVT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Ngọc Tuấn

PHƯƠNG ÁN

Bảo vệ cát, sỏi lòng sông chưa khai thác trên địa bàn tỉnh Kon Tum
(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

I. Sự cần thiết ban hành Phương án

Thời gian qua, công tác quản lý và hoạt động khai thác cát, sỏi trên địa bàn tỉnh đã có chuyển biến tích cực, nhiều khu vực tài nguyên cát, sỏi được quản lý chặt chẽ, khai thác có tổ chức và dần đi vào nề nếp, tạo việc làm cho Nhân dân địa phương, phục vụ nhu cầu vật liệu để xây dựng cơ sở hạ tầng của địa phương và đóng góp vào ngân sách của tỉnh. Tuy nhiên, công tác quản lý nhà nước về cát, sỏi và tình hình hoạt động khai thác cát, sỏi lòng sông, lòng suối (sau đây gọi chung là lòng sông) trên địa bàn tỉnh vẫn còn một số bất cập như: Công tác kiểm tra, xử lý của các cấp, các ngành đã được tăng cường nhưng hiệu quả chưa cao; vẫn còn tổ chức, cá nhân hoạt động khai thác cát, sỏi chưa chấp hành nghiêm quy định của pháp luật về khoáng sản và các quy định của pháp luật khác có liên quan; tình trạng khai thác cát, sỏi trái phép vẫn còn diễn ra tại một số khu vực, nhất là ban đêm, ngày nghỉ, ngày lễ..., gây ảnh hưởng đến môi trường, sạt lở bờ bãi ven sông suối, thất thoát tài nguyên khoáng sản, thất thu thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường, gây mất trật tự an ninh khu vực.

Trước thực trạng hoạt động khai thác, tập kết cát, sỏi lòng sông và công tác quản lý nhà nước về cát, sỏi trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua. Nhằm đảm bảo công tác quản lý, bảo vệ có hiệu quả cát, sỏi lòng sông chưa khai thác trên địa bàn tỉnh Kon Tum, ngăn chặn, xử lý kịp thời các hoạt động khai thác khoáng sản trái phép, bảo vệ môi trường, sinh thái, đảm bảo an ninh trật tự..., việc ban hành Phương án bảo vệ cát, sỏi lòng sông chưa khai thác trên địa bàn tỉnh Kon Tum là hết sức cần thiết nhằm cụ thể hóa một số nội dung của Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định về quản lý cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng, bờ, bãi sông.

II. Thực trạng công tác quy hoạch và cấp phép cát, sỏi trên địa bàn tỉnh Kon Tum

1. Về Quy hoạch khoáng sản

- Quyết định số 71/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh Kon Tum đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Tổng số các điểm mỏ được quy hoạch 177 điểm mỏ, trong đó có 88 điểm mỏ cát tổng các kỳ quy hoạch với diện tích 2.799,7ha, tổng trữ lượng 27.643,8 ngàn m³; giai đoạn 2020, diện tích 592,2ha, trữ lượng 6.511 ngàn m³; Giai đoạn 2021-2030, diện tích 668,6, trữ lượng 7.507,3 ngàn m³; diện tích dự trữ 1538,9ha, trữ lượng 13.625,5 ngàn m³.

Quy hoạch được điều chỉnh, bổ sung tại Quyết định số 21/2016/QĐ-UBND ngày 24 tháng 5 năm 2016 và Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 13 tháng 4 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh, cụ thể: Điều chỉnh 32 điểm mỏ làm vật

liệu xây dựng thông thường (điều chỉnh diện tích 04 điểm mỏ; điều chỉnh địa danh 27 điểm mỏ; điều chỉnh tọa độ 01 điểm mỏ); bổ sung quy hoạch 14 điểm mỏ làm vật liệu xây dựng thông thường (có 01 điểm mỏ đá quazit), trong đó có 07 điểm mỏ cát, sỏi.

2. Công tác cấp phép hoạt động khai thác khoáng sản cát, sỏi:

Tính từ năm 2011 đến tháng 7 năm 2020, Ủy ban nhân dân tỉnh cấp 50 giấy phép, các Giấy phép khai thác cát, sỏi đã cấp, đang còn hiệu lực: 50 Giấy phép (Kon Tum: 15; Giáp ranh Kon Tum - Sa Thầy: 02; Sa Thầy: 03; Đăk Tô: 9; Giáp ranh Đăk Tô - Ngọc Hồi: 02; Giáp ranh Đăk Tô - Đăk Hà: 02; Đăk Hà: 2; Ngọc Hồi: 02; Giáp ranh Ngọc Hồi - Đăk Glei: 02; Đăk Glei: 02; Tu Mơ Rông: 02; Ia H'Drai: 01; Kon Rẫy: 06).

(Phụ lục kèm theo).

III. Công tác bảo vệ cát, sỏi lòng sông chưa khai thác trên địa bàn tỉnh tại thời điểm lập Phương án

Để tăng cường quản lý bảo vệ tài nguyên khoáng sản chưa khai thác nói chung trong đó có quản lý cát, sỏi lòng sông, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành: Quyết định số 07/2018/QĐ-UBND ngày 12 tháng 02 năm 2018 về việc ban hành Quy chế quản lý tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Quyết định số 443/QĐ-CT ngày 22 tháng 8 năm 2013 về việc phê duyệt khu vực cấm hoạt động khoáng sản, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Kon Tum, điều chỉnh tại Quyết định số 254/QĐ-CT ngày 22 tháng 5 năm 2014; Quyết định số 568/QĐ-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2017 về việc ban hành Phương án bảo vệ tài nguyên khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Các đơn vị chức năng trên địa bàn tỉnh đã tổ chức triển khai thực hiện, hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh dần đi vào nề nếp; công tác kiểm tra hoạt động khai thác cát, sỏi trái phép tuy đã được tăng cường nhưng chưa được thường xuyên (nhất là cấp huyện, cấp xã), chưa đáp ứng được yêu cầu quản lý. Thời gian gần đây, hoạt động khai thác cát, sỏi lòng sông trái phép có chiều hướng tái diễn tại một số địa phương, làm ảnh hưởng đến môi trường; gây mất an ninh trật tự, an toàn xã hội; làm thất thoát tài nguyên, mất đất sản xuất và thất thu ngân sách.

IV. Những hạn chế, nguyên nhân

1. Những hạn chế

- Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, nâng cao nhận thức pháp luật cho tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động khoáng sản và Nhân dân đã được các cấp, các ngành quan tâm thực hiện, song chưa được thường xuyên, chưa sâu rộng tới mọi đối tượng liên quan, dẫn đến việc chấp hành quy định pháp luật về khoáng sản chưa tốt.

- Một số đơn vị chức năng chưa thực hiện tốt trong công tác phối hợp quản lý, thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm liên quan đến hoạt động khai thác cát, sỏi trái phép; trách nhiệm quản lý bảo vệ tài nguyên khoáng sản cát, sỏi lòng sông ở cấp cơ sở có nơi còn buông lỏng. Tình trạng khai thác cát, sỏi trái phép vẫn còn diễn ra, chủ yếu tại các sông suối nhỏ, tại các vùng giáp ranh địa

giới hành chính, tại các bãi bồi ven sông suối có trữ lượng cát, sỏi lớn dễ khai thác và vận chuyển.

- Công tác quản lý quy hoạch thực hiện còn bất cập, chưa thường xuyên rà soát để kịp thời tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với nhu cầu thực tiễn của địa phương; các điểm trong quy hoạch thăm dò khai thác chưa được quản lý, bảo vệ.

2. Một số nguyên nhân

- Một số địa phương chưa nêu cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cấp huyện, cấp xã trong công tác quản lý tài nguyên cát, sỏi; chưa có sự vào cuộc tích cực của hệ thống chính trị trong công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực cát, sỏi, nhất là chính quyền cơ sở trong việc thực hiện các trách nhiệm về quản lý, bảo vệ khoáng sản chưa khai thác theo quy định tại Quyết định số 568/QĐ-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh và Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 05 tháng 4 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Công tác kiểm tra của các cấp, các ngành trong hoạt động khai thác cát, sỏi trái phép đã được tăng cường nhưng biện pháp xử lý chưa đủ mạnh để chấm dứt tình trạng khai thác cát sỏi trái phép; công tác phối hợp giữa các cấp, các ngành trong kiểm tra, xử lý chưa thực hiện tốt, còn tình trạng trông chờ, ỷ lại cấp trên.

- Lực lượng cán bộ cấp huyện, đặc biệt là cấp xã được giao nhiệm vụ tham mưu quản lý nhà nước về khoáng sản chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ cả về số lượng và trình độ chuyên môn, do kiêm nhiệm nhiều lĩnh vực (*đất đai, môi trường, khoáng sản*); chưa phối hợp tốt với các đơn vị liên quan trong công tác bảo vệ tài nguyên khoáng sản chưa khai thác. Nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật của nhiều tổ chức, cá nhân còn hạn chế, chưa tự giác thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Hoạt động khai thác cát, sỏi lòng sông, các đối tượng khai thác cát, sỏi trái phép thường hoạt động vào ban đêm, các ngày nghỉ, ngày lễ, tập trung chủ yếu tại các khu vực sông suối giáp ranh giữa hai tỉnh, hai huyện, hai xã nên gây khó khăn cho công tác kiểm tra, xử lý.

- Nhu cầu về vật liệu cát, sỏi cho xây dựng các cơ sở hạ tầng trên địa bàn tỉnh ngày càng tăng, tài nguyên cát, sỏi lòng sông ngày càng cạn kiệt.

- Một số đơn vị chức năng, chủ lòng hồ thủy điện, thủy lợi chưa phát huy vai trò trách nhiệm trong công tác bảo vệ khoáng sản cát, sỏi chưa khai thác.

V. Các khu vực sông, suối thường xảy ra khai thác cát, sỏi trái phép cần quan tâm bảo vệ

TT	Tên, sông suối	Địa điểm
1	Nước Mỹ	Xã Ngọc Linh, Mường Hoong, huyện Đắk Glei, tỉnh Kon Tum.
2	Đắk Mek	Xã Mường Hoong, Đắk Choong, huyện Đắk Glei, tỉnh Kon Tum
3	Đắk Công	Xã Xốp, Đắk Choong, huyện Đắk Glei, tỉnh Kon Tum

4	Đăk Mỹ	Xã Đăk Choong, huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum
5	Đăk Psi	Xã Măng Ri, Tê Xăng, Văn Xuôi, Tu Mơ Rông, Ngọc Yêu, Đăk Hà, huyện Tu Mơ Rông, tỉnh Kon Tum
		Xã Đăk Pxi, Đăk Long, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum, Xã Diên Bình, huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum
6	Đăk Tơ Kan (tên khác Đăk Ta Kan)	Xã Đăk Rơ Ông, Đăk Tơ Kan, huyện Tu Mơ Rông, tỉnh Kon Tum,
		Xã Đăk Trăm, Ngọc Tụ, Kon Đào, thị trấn Đăk Tô, huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum
7	Đăk A Kôi (Đăk Kôi)	Xã Đăk Pxi, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum
		Xã Đăk Kôi, Đăk Tơ Lung, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum.
8	Đăk Nghé (tên khác Đăk Snghe)	Xã Măng Bút, Đăk Tăng, Măng Cánh, thị trấn Măng Đen, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum.
		Xã Đăk Kôi, Đăk Tơ Lung, thị trấn Đăk Rve, huyện Kon Rẫy
9	Đăk Bla	Thị trấn Đăk Rve, các xã Tân Lập, Đăk Ruồng, Đăk Tơ Lung, Đăk Ruồng, Đăk Tờ Re, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum.
		Các xã: Đăk Blà, Đăk Rơ Wa, Chư Hreng, Vinh Quang, Ngọc Bay, Kroong, Đoàn Kết, Đăk Năng; các phường: Trường Chinh, Thắng Lợi, Lê Lợi, Thống nhất, Quyết Thắng, Quang Trung, Nguyễn Trãi, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.
10	Pô Kô	Xã Đăk Man, Đăk Pét, Đăk Krong, Đăk Môn, thị trấn ĐăkGlei, tỉnh Kon Tum.
		Xã Đăk Ang, Đăk Dục, Đăk Nông, Đăk Kan, thị trấn Plei Kần, xã Đăk Kan, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum.
		Xã Đăk Rơ Nga, Ngọc Tụ, Tân Cảnh, Pô Kô, Diên Bình, thị trấn Đăk Tô
		Xã Đăk Mar, Hà Môn, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum.
		Xã Hơ Moong, Sa Nghĩa, Sa Bình, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum.
		Xã Kroong, thành phố Kon Tum.
11	Sê San	Xã Ia Chim, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum
		Các xã: Sa Bình, Ya Ly, Ya Tăng, Mô Rai, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum
		Xã Ia Tơi, huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum
12	Sa Thầy (tên khác Đăk Hơ Draí)	Xã Rờ Koi, Mô Rai, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum.
		Các xã: Ia Dom, Ia Đal, Ia Tơi, huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum

Ngoài ra, còn các suối nhỏ khác trên địa bàn tỉnh cần phải bảo vệ.

VI. Biện pháp tăng cường quản lý và khắc phục hạn chế

- Đề tăng cường công tác quản lý và khắc phục hạn chế trong công tác quản lý cát, sỏi lòng sông đối với vùng giáp ranh (*giữa hai tỉnh, hai huyện, hai xã*) các đơn vị liên quan tổ chức xây dựng và thực hiện Quy chế phối hợp trao đổi thông tin, phát hiện và xử lý vi phạm hoạt động khai thác cát, sỏi trái phép trên phạm vi giáp ranh.

- Các sở, ngành, đơn vị chức năng liên quan triển khai thực hiện nghiêm túc Quy chế số 818/QCPH-LN ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Liên ngành trong phối hợp trao đổi thông tin, phát hiện và xử lý vi phạm trong hoạt động khai thác cát, sỏi trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

VII. Mục tiêu của Phương án

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về hoạt động khoáng sản cát, sỏi lòng sông; kinh doanh, tập kết và vận chuyển cát, sỏi lòng sông chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- Yêu cầu chung về quản lý bảo vệ lòng bờ, bãi sông và các công trình thủy điện, thủy lợi, đảm bảo giao thông thủy trong quá trình hoạt động khoáng sản cát, sỏi.

VIII. Trách nhiệm của các sở, ngành, đơn vị, các tổ chức, cá nhân có liên quan trong công tác bảo vệ khoáng sản cát, sỏi chưa khai thác trên địa bàn tỉnh

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì xây dựng tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Phương án bảo vệ cát, sỏi lòng sông chưa khai thác trên địa bàn, trong đó có việc quy định trách nhiệm và xử lý người đứng đầu các sở, ngành và chính quyền cấp huyện, cấp xã.

- Cung cấp các thông tin, tài liệu về khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản, quy hoạch khoáng sản, khu vực cấp phép hoạt động cát, sỏi cho các đơn vị liên quan và các lực lượng chức năng để thực hiện công tác quản lý.

- Chủ trì kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật về khai thác cát, sỏi trên sông, hồ; bảo vệ, phòng, chống sạt, lở lòng, bờ, bãi sông thuộc thẩm quyền trên địa bàn tỉnh; kết luận về tính chất, mức độ sai phạm, vi phạm (*nếu có*) làm cơ sở xem xét, xử lý trách nhiệm đối với tập thể, cá nhân có liên quan theo quy định.

- Chủ trì phối hợp các đơn vị giáp ranh có chung đường ranh giới hành chính tỉnh là các dòng sông trong việc quản lý, kiểm tra, xử lý vi phạm, cấp phép thăm dò, khai thác cát, sỏi lòng sông.

- Chủ trì, tổ chức kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất tại các địa bàn thường xảy ra hoạt động khoáng sản cát, sỏi trái phép hoặc có nguy cơ xảy ra khai thác khoáng sản trái phép. Lực lượng nòng cốt là Thanh tra chuyên ngành, các đơn vị trực thuộc có liên quan và lực lượng chức năng tại địa phương nơi có hoạt động khoáng sản trái phép. Các sở ngành chức năng và Công an tỉnh được huy động tham gia phối hợp để xử lý vụ việc có tính chất phức tạp.

- Chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, chính

quyền địa phương tham mưu tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ, phòng chống sạt, lở lòng, bờ, bãi sông, hành lang bảo vệ nguồn nước đối với sông nội tỉnh; tổ chức điều tra, đánh giá quan trắc, giám sát diễn biến dòng chảy, bồi lắng, xói lở lòng, bờ, bãi sông trên các sông nội tỉnh.

- Thực hiện công tác quản lý, tham mưu cấp phép thăm dò, khai thác cát, sỏi lòng sông theo đúng quy định của Luật Khoáng sản, pháp luật có liên quan và quy định tại Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ.

- Đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện của các cấp, các ngành được giao nhiệm vụ trong Phương án này, tổng hợp báo cáo kết quả công tác quản lý bảo vệ khoáng sản hàng tuần, tháng trên địa bàn về Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Định kỳ hằng năm (hoặc đột xuất khi có yêu cầu) tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Xây dựng, Bộ Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan trung ương có liên quan về tình hình cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng cát, sỏi lòng sông tại địa phương.

2. Sở Xây dựng

- Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy chuẩn kỹ thuật trong việc sử dụng cát, sỏi lòng sông làm vật liệu xây dựng; không cho phép sử dụng cát, sỏi lòng sông có đủ chất lượng làm cát, sỏi xây dựng dùng cho mục đích san lấp, cải tạo mặt bằng; xây dựng giải pháp khuyến khích tăng cường sử dụng vật liệu thay thế cát sỏi làm vật liệu san lấp.

- Hướng dẫn, kiểm tra và tổng hợp tình hình đầu tư khai thác, sử dụng cát, sỏi lòng sông; cân đối cung cầu sử dụng tài nguyên cát, sỏi trên địa bàn tỉnh; phối hợp với các đơn vị liên quan trong việc xây dựng nội dung quản lý cát, sỏi lòng sông; tham gia ý kiến thuộc thẩm quyền về nội dung quản lý, thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản trong quy hoạch tỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

- Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra tình hình hoạt động khai thác cát, sỏi trái phép trên địa bàn tỉnh.

3. Sở Công Thương

- Chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan xây dựng và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh: Phê duyệt quy hoạch hệ thống bến, bãi tập kết cát, sỏi lòng sông theo quy định tại điểm h Khoản 1 Điều 31 Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ; ban hành danh mục đập, hồ chứa thủy điện trên địa bàn, quy định tại điểm c, khoản 5, Điều 3, Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.

- Phối hợp với các đơn vị, địa phương thực hiện công tác quản lý nhà nước đối với nội dung có liên quan trong việc xác định phạm vi, quy mô, ranh giới các khu vực thuộc phạm vi bảo vệ an toàn đập thủy điện.

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện liên quan trong việc kiểm tra, giám sát khối lượng cát, sỏi thu hồi (nếu có) trong quá trình duy tu, nạo vét các lòng hồ thủy điện; yêu cầu chủ đầu tư chỉ được phép khai thác phần trữ lượng do

bồi lắng và phải gắn với yêu cầu nạo vét, phòng, chống bồi lắng lòng hồ; tham mưu quản lý, cấp phép đối với các hoạt động thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện.

- Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra tình hình hoạt động khai thác cát, sỏi trái phép trên địa bàn tỉnh.

4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Phối hợp với các đơn vị, địa phương thực hiện công tác quản lý nhà nước đối với nội dung có liên quan trong việc xác định phạm vi, quy mô, ranh giới các khu vực thuộc phạm vi bảo vệ an toàn các công trình thủy lợi, chỉnh trị dòng sông thuộc trách nhiệm quản lý của ngành theo quy định tại Điều 14 và Điều 18 Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ.

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện liên quan trong việc kiểm tra, giám sát khối lượng cát, sỏi thu hồi (nếu có) trong quá trình duy tu, nạo vét các lòng hồ thủy lợi; yêu cầu chủ đầu tư chỉ được phép khai thác phần trữ lượng do bồi lắng và phải gắn với yêu cầu nạo vét, phòng, chống bồi lắng lòng hồ; tham mưu quản lý, cấp phép đối với các hoạt động thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi theo quy định tại Điều 44 Luật Thủy lợi.

- Tham gia ý kiến chấp thuận bằng văn bản của cơ quan quản lý nhà nước về phòng chống thiên tai, thủy lợi và đáp ứng các yêu cầu quy định tại Điều 15 Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ đối với hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản cát, sỏi lòng sông.

- Chủ trì, phối hợp các sở ngành chức năng và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tăng cường công tác quản lý đê kè, thủy lợi nhằm kịp thời phát hiện, xử lý các tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm trong hoạt động khai thác, tập kết, kinh doanh cát, sỏi ảnh hưởng đến an toàn đê kè, hàng lang thoát lũ.

- Chỉ đạo Chi cục Thủy lợi thanh tra, kiểm tra các hoạt động khoáng sản cát, sỏi trong phạm vi bảo vệ của các công trình thủy lợi do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý kết cấu hạ tầng thủy lợi trên địa bàn tỉnh.

- Chỉ đạo Ban Quản lý - Khai thác các công trình thủy lợi tỉnh ngoài chức năng nhiệm vụ được giao trong lĩnh vực khai thác các công trình thủy lợi, phải kịp thời báo cáo chính quyền địa phương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và cơ quan chức năng về các hoạt động khoáng sản cát, sỏi trái phép trong phạm vi bảo vệ của các công trình thủy lợi do đơn vị đang khai thác để phối hợp xử lý theo quy định.

5. Sở Giao thông vận tải

- Thực hiện công tác quản lý nhà nước theo quy định đối với nội dung có liên quan về phương tiện vận chuyển cát, sỏi trên sông được quy định tại Điều 11 Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ.

- Chủ trì, phối hợp Phòng Cảnh sát giao thông (Công an tỉnh): Có biện pháp quản lý các phương tiện khai thác cát, sỏi trên sông theo quy định của pháp luật (về an toàn vận tải đường thủy nội địa; việc đăng ký, đăng kiểm

phương tiện khai thác, vận chuyển cát, sỏi trên lòng sông; việc đăng ký số lượng, chủng loại, gắn biển hiệu các phương tiện khai thác cát...).

- Tham gia ý kiến chấp thuận bằng văn bản của cơ quan quản lý nhà nước về đường thủy nội địa và đáp ứng các yêu cầu quy định tại Điều 15 Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ đối với hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản cát, sỏi lòng sông.

6. Cục Thuế tỉnh

Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm: Trong việc chấp hành chế độ hóa đơn, chứng từ kế toán; tình trạng hợp pháp hóa, hợp thức hóa chứng từ đầu vào đối với việc sử dụng cát, sỏi lòng sông tại các công trình, dự án để kê khai, quyết toán thuế.

- Phối hợp với các cơ quan có liên quan thanh tra, kiểm tra việc xác định sản lượng cát, sỏi lòng sông khai thác thực tế.

7. Sở Tài chính

Các cơ quan chức năng khi thanh tra, kiểm tra việc thực hiện khai thác khoáng sản cát, sỏi lòng sông phát hiện đơn vị, tổ chức, cá nhân có vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán thì lập hồ sơ chuyển Sở Tài chính phối hợp trong việc xử phạt vi phạm hành chính lĩnh vực kế toán theo quy định của pháp luật hiện hành.

8. Công an tỉnh

- Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan tổ chức tuần tra, kiểm tra, xử lý vi phạm theo thẩm quyền đối với hoạt động khai thác cát, sỏi trái phép; vận chuyển và kinh doanh cát, sỏi không có nguồn gốc hợp pháp trên địa bàn.

- Chủ động trong công tác phòng ngừa, đấu tranh với tội phạm pháp luật về môi trường, đặc biệt đối với các hành vi khai thác, vận chuyển, mua bán cát, sỏi trái phép trên địa bàn tỉnh. Chỉ đạo Công an huyện, thành phố và các phòng nghiệp vụ có liên quan làm tốt công tác nắm tình hình, xử lý vi phạm trên lĩnh vực khai thác cát, sỏi trái phép không để điểm nóng về khoáng sản nổi lên làm ảnh hưởng, an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

9. Cục Quản lý thị trường tỉnh

Phối hợp Công an tỉnh và các đơn vị liên quan kiểm tra, xử lý hoạt động vận chuyển kinh doanh, buôn bán, tiêu thụ khoáng sản cát, sỏi không rõ nguồn gốc xuất xứ, không có hóa đơn, chứng từ hợp lệ; xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý các trường hợp vi phạm theo quy định của pháp luật.

10. Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh

- Thực hiện tốt Nghị định số 34/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ về quy chế khu vực biên giới đất liền nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nhằm phòng ngừa, ngăn chặn có hiệu quả đối với các hành vi khai thác cát, sỏi trái phép.

- Chỉ đạo các Đồn Biên phòng trong khu vực biên giới, ngoài việc thực hiện chức năng quản lý Nhà nước trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh, có trách nhiệm phối hợp với các cấp, các ngành có liên quan tham mưu cho cấp ủy Đảng,

chính quyền địa phương phát hiện xử lý, cung cấp thông tin kịp thời về hoạt động khoáng sản trái phép, đấu tranh ngăn chặn tình trạng khai thác khoáng sản trái phép xảy ra trong khu vực biên giới.

11. Báo Kon Tum, Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh

- Thông tin, tuyên truyền các quy định của pháp luật về tài nguyên khoáng sản; Phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác.

- Đăng tải thông tin về công tác quản lý nhà nước đối với tài nguyên khoáng sản; hoạt động khai thác khoáng sản trái phép và chịu trách nhiệm về nội dung thông tin đã đăng tải theo quy định của pháp luật.

12. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

- Triển khai xây dựng, thực hiện Quy chế phối hợp trên địa bàn quản lý và với các địa phương khác nằm trong khu vực giáp ranh địa giới hành chính.

- Chỉ đạo Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (*sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã*) thực hiện các biện pháp bảo vệ cát, sỏi lòng sông chưa khai thác.

- Ngăn chặn hoạt động khai thác cát, sỏi trái phép ngay sau khi phát hiện hoặc nhận được tin báo xảy ra hoạt động khai thác cát, sỏi trái phép trên địa bàn; xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật; trường hợp vượt quá thẩm quyền, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để xử lý theo quy định của pháp luật.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm toàn diện trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về quản lý cát, sỏi lòng sông trên địa bàn quản lý theo quy định của pháp luật.

13. Ủy ban nhân dân cấp xã

- Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về khoáng sản đến thôn, làng; vận động nhân dân địa phương không khai thác, tập kết, kinh doanh, vận chuyển cát, sỏi trái phép.

- Phát hiện và tố giác tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản, khai thác cát, sỏi trái phép; thực hiện quy chế phối hợp trên địa bàn và các xã thuộc các địa phương khác trong khu vực giáp ranh.

- Ngăn chặn hoạt động khai thác cát, sỏi trái phép ngay sau khi phát hiện; xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật; trường hợp vượt quá thẩm quyền, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp trên để xử lý theo quy định của pháp luật.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm toàn diện trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện về quản lý cát, sỏi lòng sông trên địa bàn xã theo quy định của pháp luật.

14. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân sử dụng đất, mặt nước

- Tổ chức, cá nhân được cấp có thẩm quyền giao đất, thuê đất, thuê mặt nước có trách nhiệm phối hợp chính quyền địa phương, các cơ quan chức năng để bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trong diện tích đất đang sử dụng; nghiêm cấm không được tự ý khai thác khoáng sản, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 64 của Luật Khoáng sản.

- Khi phát hiện khai thác cát, sỏi trái phép trong phần diện tích đất, mặt nước được cấp có thẩm quyền giao quản lý phải kịp thời báo cáo ngay đến chính quyền địa phương, các cơ quan chức năng để ngăn chặn, xử lý theo quy định.

15. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân được cấp phép hoạt động cát, sỏi

- Phải cắm mốc các điểm khép góc khu vực khai thác cát, sỏi lòng sông; lắp đặt bảng thông báo tại bờ sông thuộc phạm vi khu vực khai thác để công khai thông tin Giấy phép khai thác, dự án khai thác cát, sỏi lòng sông với các nội dung: tọa độ, diện tích và sơ đồ phạm vi khu vực khai thác; thời gian khai thác; tên, phương tiện, thiết bị sử dụng để khai thác cát, sỏi.

- Thực hiện đầy đủ các nội dung yêu cầu tại Giấy phép khai thác khoáng sản được cấp và các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 9, Điều 15 Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ. Tuyệt đối không hoạt động khai thác khoáng sản ngoài khu vực cho phép, nếu vi phạm thì xử lý theo quy định của pháp luật.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để xảy ra tình trạng khai thác trái phép trong phạm vi được phép hoạt động khoáng sản. Khi phát hiện có hoạt động khai thác khoáng sản trái phép ở ngoài ranh giới khu vực được phép hoạt động khoáng sản phải báo ngay cho Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã để kịp thời xử lý.

16. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh, tập kết cát, sỏi

- Trường hợp bến, bãi chứa cát, sỏi nằm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi hoặc liên quan đến đê kè phải thực hiện lập hồ sơ cấp giấy phép theo quy định của pháp luật về thủy lợi, đê điều.

- Phải lắp đặt bảng thông báo để công khai thông tin của bến bãi tập kết cát, sỏi với các nội dung: địa chỉ cung cấp cát, sỏi được tập kết tại bến bãi; lắp đặt trạm cân, camera để giám sát khối lượng cát, sỏi mua - bán tại bến bãi, diện tích bến bãi theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 10 Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ.

IX. Xử lý trách nhiệm người đứng đầu của các sở, ngành, địa phương, đơn vị liên quan

- Căn cứ quy định của Luật Khoáng sản, quy định pháp luật khác có liên quan và theo chức năng nhiệm vụ quản lý nhà nước của từng sở ngành, đơn vị chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan kiểm tra, xử lý theo quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh trong công tác bảo vệ khoáng sản cát, sỏi chưa khai thác trên địa bàn tỉnh. Thủ trưởng các cơ quan, địa phương, đơn vị để xảy ra vi phạm kịp thời chỉ đạo, tiến hành xử lý theo thẩm quyền đối với tập thể, cá nhân để xảy ra sai phạm thuộc phạm vi quản lý (hoặc báo cáo đề xuất, kiến nghị xử lý theo phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức); đồng thời chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý cấp trên về thực hiện nghĩa vụ của cán bộ, công chức là người đứng đầu theo quy định của pháp luật.

- Giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý trách nhiệm người đứng đầu theo quy định của pháp luật về khoáng sản và pháp luật về công chức hiện hành... đối với người đứng đầu các sở ngành, địa phương, đơn vị không thực hiện tốt chức trách nhiệm vụ được giao, để xảy ra hoạt động khoáng sản trái phép diễn ra trong thời gian dài, mà không giải quyết dứt điểm.

X. Kế hoạch, các giải pháp tổ chức thực hiện

1. UBND cấp huyện, cấp xã

- Lập kế hoạch bảo vệ khoáng sản cát, sỏi lòng sông chưa khai thác hằng năm và tổ chức thực hiện kiểm tra, xử lý vi phạm về khai thác khoáng sản trái pháp luật trên địa bàn quản lý; báo cáo Ủy ban nhân dân cấp trên các trường hợp vượt thẩm quyền.

- Khi phát hiện hoạt động khoáng sản cát, sỏi trái pháp luật (*đặt biệt là khai thác tại vùng giáp ranh giữa các địa phương*), phải chủ động phối hợp, tổ chức, huy động lực lượng để giải tỏa, ngăn chặn; lập Biên bản hành vi vi phạm; xử lý theo thẩm quyền, đúng quy định của pháp luật, trường hợp vượt thẩm quyền phải báo cáo cơ quan cấp trên để xử lý theo quy định.

- Đối với các trường hợp phức tạp, nằm ngoài tầm kiểm soát, đã tổ chức lực lượng và có các biện pháp xử lý nhưng vẫn không thể giải quyết, phải kịp thời báo cáo cơ quan cấp trên. Các trường hợp khẩn cấp có thể thông báo qua điện thoại, sau đó phải có văn bản báo cáo cụ thể.

- Thực hiện báo cáo định kỳ tình hình bảo vệ khoáng sản cát, sỏi chưa khai thác trên địa bàn theo quy định tại điểm d khoản 2, điểm c khoản 3 Điều 17 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ. Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (*qua Sở Tài nguyên và Môi trường*) trước ngày 15 tháng 12 hằng năm.

2. Các cơ quan, đơn vị liên quan

Trong phạm vi chức năng quản lý, nhiệm vụ được giao chủ động tổ chức thực hiện; kịp thời phát hiện, cung cấp thông tin và phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã, Sở Tài nguyên và Môi trường bảo vệ các khu vực khoáng sản chưa được cấp phép khai thác theo quy định.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp các sở ngành, địa phương kiểm tra, bảo vệ khoáng sản cát, sỏi chưa khai thác trên địa bàn toàn tỉnh theo Phương án đã được phê duyệt.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổng kết, đánh giá công tác bảo vệ khoáng sản cát, sỏi chưa khai thác trên địa bàn tỉnh và báo cáo tình hình quản lý nhà nước về khoáng sản hàng năm cho Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 7, điểm c khoản 1 Điều 17 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ.

XI. Tổ chức thực hiện

1. Yêu cầu Thủ trưởng các sở, ngành, đơn vị có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Báo Kon Tum, Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh; tổ chức, cá nhân được cấp phép hoạt động khoáng sản; tổ chức, cá nhân kinh doanh, tập kết cát, sỏi thực hiện nghiêm túc Phương án bảo vệ cát, sỏi lòng sông chưa khai thác trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường theo dõi, đôn đốc, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh về tình hình thực hiện Phương án bảo vệ cát, sỏi lòng sông chưa khai thác trên địa bàn tỉnh.

Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc, các sở, ngành, địa phương, đơn vị và cá nhân có liên quan báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Phụ lục

DANH SÁCH CÁC MỎ CÁT, SỎI CẤP PHÉP KHAI THÁC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KON TUM.

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Số Giấy phép, ngày cấp	Tên đơn vị	Vị trí	Loại KS	Tọa độ VN 2000			Diện tích	Công suất (m ³ /năm)	Ghi chú
					Điểm góc	X	Y			
1	80/GP-UBND	Công ty TNHH Nguyên Hưng	Lòng sông ĐăkBlá, đoạn phía tây TP Kon Tum	Cát XD	1	1.587.837	545.525	17,52	30.000	
	20/01/2012				2	1.589.726	546.964			
					3	1.589.419	547.345			
					4	1.589.239	547.569			
					5	1.589.180	547.663			
					6	1.588.825	548.246			
2	101/GP-UBND	Công ty TNHH VL Xanh Bảo Sơn Kon Tum	Ranh giới hành chính xã Đăk Rơ Wa và xã ĐăkBlá, TP Kon Tum	Cát XD	1	1.586.400	559.824	2	28.662	
	6/3/2015				2	1.585.809	560.021			
					3	1.585.795	559.994			
					4	1.586.382	559.793			
3	114/GP-UBND	HTX XD-TM-DV Chiến Thắng	Ranh giới hành chính xã Đăk Rơ Wa và xã ĐăkBlá, TP Kon Tum	Cát XD	1	1.588.885	556.944	1,225	19.477	
	10/3/2015				2	1.588.955	557.082			
					3	1.588.991	557.141			
					4	1.588.972	557.160			
					5	1.588.895	557.089			
					6	1.588.825	556.994			
4	119/GP-UBND	Công ty TNHH MTV Xuân Tài	Ranh giới hành chính xã Đăk Rơ Wa và phường Thắng Lợi, TP Kon Tum	Cát XD	1	1.587.744	558.292	0,8473	10.015	

STT	Số Giấy phép, ngày cấp	Tên đơn vị	Vị trí	Loại KS	Tọa độ VN 2000			Diện tích	Công suất (m ³ /năm)	Ghi chú
					Điểm góc	X	Y			
	16/3/2015				2	1.587.709	558.344			
					3	1.587.553	558.437			
					4	1.587.502	558.443			
					5	1.587.521	558.410			
					6	1.587.543	558.408			
					7	1.587.688	558.322			
					8	1.587.719	558.276			
5	130/GP- UBND	DNTN Ngọc Trang	Thôn Kon Tu 1, xã ĐắkBlà và xã Đắk Rơ Wa, TP Kon Tum	Cát XD	1	1.588.991	557.141	1,1193	17.362	
	19/3/2015				2	1.589.030	557.171			
					3	1.589.009	557.194			
					4	1.588.972	557.160			
					5	1.589.367	557.367			
					6	1.589.456	557.529			
					7	1.589.493	557.673			
					8	1.589.463	557.674			
					9	1.589.428	557.540			
					10	1.589.342	557.383			
6	129/GP- UBND	HTX XD-TM-DV Đạt Tài	Ranh giới hành chính xã Đắk Rơ Wa và xã ĐắkBlà, TP Kon Tum	Cát XD	1	1.588.881	558.839	0,9689	14.724	
	19/3/2015				2	1.588.633	559.068			
					3	1.588.618	559.051			
					4	1.588.787	558.885			
					5	1.588.847	558.812			

STT	Số Giấy phép, ngày cấp	Tên đơn vị	Vị trí	Loại KS	Tọa độ VN 2000			Diện tích	Công suất (m ³ /năm)	Ghi chú
					Điểm góc	X	Y			
7	135/GP- UBND	DNTN Trí Thành	Ranh giới hành chính xã Đăk Rơ Wa và xã ĐăkBlá, TP Kon Tum	Cát XD	1	1.586.943	559.692	1,0859	16.179	
	20/3/2015				2	1.586.506	559.812			
					3	1.586.417	559.830			
					4	1.586.413	559.811			
					5	1.586.500	559.793			
					6	1.586.938	559.673			
8	146/GP- UBND	Công ty TNHH Thanh Sơn	Ranh giới hành chính xã Đăk Rơ Wa và xã ĐăkBlá, TP Kon Tum	Cát XD	1	1.589.027	558.470	0,8827	17.743	
	30/3/2015				2	1.588.997	558.542			
					3	1.588.971	558.527			
					4	1.588.999	558.459			
					5	1.588.941	558.618			
					6	1.588.911	558.660			
					7	1.588.860	558.822			
					8	1.588.835	558.802			
					9	1.588.884	558.647			
					10	1.588.916	558.602			
9	186/GP- UBND	Công ty CP XDCT Sông Hồng	Ranh giới hành chính xã Đăk Rơ Wa và xã ĐăkBlá, TP Kon Tum	Cát XD	1	1.585.403	560.119	1,0	25.900	
	31/3/2015				2	1.585.292	560.155			
					3	1.585.160	560.271			
					4	1.585.132	560.253			
					5	1.585.276	560.129			
					6	1.585.387	560.081			

STT	Số Giấy phép, ngày cấp	Tên đơn vị	Vị trí	Loại KS	Tọa độ VN 2000			Diện tích	Công suất (m ³ /năm)	Ghi chú
					Điểm góc	X	Y			
10	763/GP- UBND	Công ty TNHH MTV Hùng Khang	Ranh giới hành chính xã Đắk Rơ Wa và phường Thắng Lợi, TP Kon Tum	Cát XD	1	1.587.778	557.510	0,8465	8.550	
	11/7/2016				2	1.587.785	557.560			
					3	1.587.770	557.668			
					4	1.587.786	557.787			
					5	1.587.756	557.791			
					6	1.587.740	557.668			
					7	1.587.755	557.560			
					8	1.587.748	557.510			
11	872/GP- UBND	Công ty TNHH Thanh Tuấn	Ranh giới hành chính làng Kon Jơ Dri, xã Đắk Rơ Wa và làng Kon Jơ Droi, xã Đắk Blà, TP Kon Tum	Cát XD	1	1.587.259	559.573	0,92	15.640	
	11/8/2016				2	1.587.269	559.601			
					3	1.586.956	559.694			
					4	1.586.947	559.669			
12	1157/GP- UBND	Công ty TNHH Tây Tiến	Thôn Kon Rơ Wang, phường Thắng Lợi, TP Kon Tum	Cát XD	1	1.587.767	557.327	0,84	6.470	
	4/10/2016				2	1.587.793	557.510			
					3	1.587.747	557.510			
					4	1.587.737	557.470			
					5	1.587.727	557.325			
13	202/GP- UBND	DNTN Trần Tường Vũ	Thôn 1, xã Diên Bình, huyện Đắk Tô	Cát XD	1	1.616.492	541.020	4,1	21.500	
	8/3/2016				2	1.616.470	541.057			
					3	1.616.348	541.350			

STT	Số Giấy phép, ngày cấp	Tên đơn vị	Vị trí	Loại KS	Tọa độ VN 2000			Diện tích	Công suất (m ³ /năm)	Ghi chú
					Điểm góc	X	Y			
					4	1.616.204	541.606			
					5	1.616.201	541.692			
					6	1.616.225	541.707			
					7	1.616.290	541.800			
					8	1.616.407	541.780			
					9	1.616.407	541.809			
					10	1.616.309	541.831			
					11	1.616.222	541.799			
					12	1.616.182	541.739			
					13	1.616.165	541.655			
					14	1.616.192	541.569			
					15	1.616.296	541.367			
					16	1.616.351	541.187			
					17	1.616.437	541.020			
14	243/GP- UBND	Công ty TNHH Tài Nguyên môi trường Hoàng Long	Lòng sông Đắk Bla, xã Sa Bình, huyện Sa Thầy và xã Đắk Năng, thành phố Kon Tum	Cát XD	1	1.588.301	541.054	10	25.000	
	30/3/2017				2	1.588.301	541.120			
					3	1.587.608	541.073			
					4	1.587.608	540.992			
					5	1.587.440	540.890			
					6	1.587.440	540.940			
					7	1.586.445	540.606			
					8	1.586.453	540.555			
15	703/GP- UBND	DNTN Đăk Tân Lập	Thôn 10, 11,12 xã Đăk Ruồng và thôn 1 xã Tân Lập, huyện Kon Rẫy	Cát XD	1	1.599.580	573.753	1,7	5.000	

STT	Số Giấy phép, ngày cấp	Tên đơn vị	Vị trí	Loại KS	Tọa độ VN 2000			Diện tích	Công suất (m ³ /năm)	Ghi chú
					Điểm góc	X	Y			
	24/7/2017				2	1.599.552	573.782			
					3	1.599.498	573.726			
					4	1.599.533	573.690			
					5	1.599.383	573.747			
					6	1.599.286	573.845			
					7	1.599.222	573.774			
					8	1.599.323	573.671			
16	708/GP- UBND	Công ty TNHH MTV T&D Kon Tum	Lòng sông Đắk Bla, xã Sa Bình, huyện Sa Thầy và xã Ia Chim, thành phố Kon Tum	Cát XD	1	1.585.278	539.716	5	10.000	
	26/7/2017				2	1.585.249	539.753			
					3	1.584.572	539.002			
					4	1.584.572	538.940			
17	891/GP- UBND	Công ty Cp Trường Nhật	Làng Lung, xã Ya Xiêr, huyện Sa Thầy (Vị trí 1)	Cát XD	1	1.589.521	532.009	0,4358	4.384	
	11/9/2017				2	1.589.501	532.023			
					3	1.589.489	532.007			
					4	1.589.406	531.953			
					5	1.589.443	531.913			
18	890/GP- UBND	Công ty Cp Trường Nhật	Làng Lung, xã Ya Xiêr, huyện Sa Thầy (Vị trí 2)	Cát XD	1	1.589.712	532.206	0,5661	3.473	
	11/9/2017				2	1.589.675	532.251			
					3	1.589.639	532.224			
					4	1.589.615	532.191			
					5	1.589.625	532.176			
					6	1.589.634	532.177			
					7	1.589.656	532.132			

STT	Số Giấy phép, ngày cấp	Tên đơn vị	Vị trí	Loại KS	Tọa độ VN 2000			Diện tích	Công suất (m ³ /năm)	Ghi chú
					Điểm góc	X	Y			
19	906/GP- UBND	Công ty TNHH Tuần Dũng	Làng Kon HNông xã Đăk Tờ Kan, huyện Tu Mơ Rông	Cát XD	1	1.636.001	539.508	3,7	3.500	
	12/9/2017				2	1.635.971	539.570			
					3	1.635.912	539.503			
					4	1.635.771	539.457			
					5	1.635.584	539.459			
					6	1.635.535	539.388			
					7	1.635.590	539.318			
					8	1.635.650	539.331			
					9	1.635.596	539.386			
					10	1.635.622	539.416			
					11	1.635.786	539.383			
					12	1.635.607	539.130			
					13	1.635.533	539.130			
					14	1.635.518	539.122			
					15	1.635.472	539.070			
					16	1.635.548	539.036			
20	966/GP- UBND	DNTN Toàn Tiến Đăk Tô	Thôn Đăk Rao Lớn, thị trấn Đăk Tô, huyện Đăk Tô	Cát XD	1	1.619.623	536.159	4	3.173	
	25/9/2017				2	1.619.477	536.158			
					3	1.619.301	536.288			
					4	1.619.077	536.256			
					5	1.619.082	536.212			
					6	1.619.275	536.228			
					7	1.619.472	536.077			
					8	1.619.623	536.068			
21	1036/GP- UBND	HKD Nguyễn Đình Thất	Đoạn qua thôn Đăk Rô Gia, xã Đăk Trăm, huyện Đăk tô	Cát XD	1	1.632.928	537.767	0,91	2.666	

STT	Số Giấy phép, ngày cấp	Tên đơn vị	Vị trí	Loại KS	Tọa độ VN 2000			Diện tích	Công suất (m ³ /năm)	Ghi chú
					Điểm góc	X	Y			
	9/10/2017				2	1.632.961	537.857			
					3	1.633.058	537.819			
					4	1.633.032	537.746			
22	1037/GP- UBND	HKD Trương Quảng	Sông Pô Kô, thôn 4,xã Tân Cảnh, huyện Đắk Tô	Cát XD	1	1.621.385	528.104	0,99	2.699	
	9/10/2017				2	1.621.386	528.011			
					3	1.621.280	528.010			
					4	1.621.278	528.103			
23	1229/GP- UBND	Công ty TNHH Huỳnh Ngọc	Thôn 6, xã Kon Đào, huyện Đắk Tô	Cát XD	1	1.625.654	535.207	0,332	2.490	
	16/11/2017				2	1.625.650	535.224			
					3	1.625.620	535.273			
					4	1.625.591	535.296			
					5	1.625.569	535.306			
					6	1.625.554	535.310			
					7	1.625.549	335.296			
					8	1.625.583	535.272			
					9	1.625.605	535.240			
					10	1.625.617	535.207			
24	1313/GP- UBND	Công ty TNHH Trí Dũng Kon Tum	Ranh giới hành chính xã Đăk Rơ Wa và xã ĐăkBlà, TP Kon Tum	Cát XD	1	1.587.622	559.479	1,0942	16.960	
	7/12/2017				2	1.587.567	559.490			
					3	1.587.279	559.598			
					4	1.587.269	559.570			
					5	1.587.557	559.462			
					6	1.587.616	559.450			

STT	Số Giấy phép, ngày cấp	Tên đơn vị	Vị trí	Loại KS	Tọa độ VN 2000			Diện tích	Công suất (m ³ /năm)	Ghi chú
					Điểm góc	X	Y			
25	1431/GP- UBND	HTX Tân Tiến	Xã Đăk Rơ Wa và xã Đăk Blă thành phố Kon Tum	Cát XD	1	1.589.487	557.674	1,0871	14.132	
	28/12/2017				2	1.589.487	557.787			
					3	1.589.459	558.000			
					4	1.589.463	558.074			
					5	1.589.246	558.223			
					6	1.589.235	558.209			
					7	1.589.421	558.063			
					8	1.589.443	557.997			
					9	1.589.470	557.786			
					10	1.589.470	557.674			
26	07/GP- UBND	Công ty TNHH Đồng Tâm	Ranh giới giữa thôn Đăk Văn 2, xã Văn Xuôi và thôn Đăk Chum 2, xã Tu Mơ Rông, huyện Tu Mơ Rông	Cát, sỏi XD	1	1.648.627	551.681	6	5.063	
	2/1/2018				2	1.648.665	551.689			
					3	1.647.757	551.887			
					4	1.647.783	551.846			
27	65/GP- UBND	DNTN Nhật Mạnh	Thôn 5, xã Diên Bình, huyện Đăk Tô	Cát XD	1	1.617.747	542.689	4	7.744	
	16/1/2018				2	1.617.679	542.721			
					3	1.617.370	542.744			
					4	1.617.230	542.683			
					5	1.617.252	542.621			
					6	1.617.383	542.658			
					7	1.617.607	542.655			
					8	1.617.744	542.616			

STT	Số Giấy phép, ngày cấp	Tên đơn vị	Vị trí	Loại KS	Tọa độ VN 2000			Diện tích	Công suất (m ³ /năm)	Ghi chú
					Điểm góc	X	Y			
28	171/GP- UBND	Công ty TNHH Hoàng Long Hưng	Sông Đăk Pxi, thôn 5, xã Diên Bình, huyện Đăk Tô và thôn 5, xã Đăk Long, huyện Đăk Hà	Cát XD	1	1.616.836	542.565	0,84	4.918	
	9/2/2018				2	1.616.912	542.587			
					3	1.616.936	542.488			
					4	1.616.861	542.460			
29	425/GP- UBND	Công ty TNHH MTV Thạch Anh Sa	Thôn Đăk Wất, xã Đăk Kroong, huyện Đăk Glei	Cát XD	1	1.656.499	524.283	1,5	7.000	
	24/4/2018				2	1.656.518	524.241			
					3	1.656.761	524.212			
					4	1.656.783	524.269			
30	576/GP- UBND	Công ty TNHH Duyên Hải	Thôn 1, xã Tân Lập và thôn 13 xã Đăk Ruồng, huyện Kon Rẫy	Cát XD	1	1.600.725	573.293	2	10.328	
	10/6/2020				2	1.600.706	573.313			
					3	1.600.323	572.981			
					4	1.600.208	572.835			
					5	1.600.234	572.816			
					6	1.600.349	572.965			
31	623/GP- UBND	Công ty TNHH MTV Tư vấn và xây dựng Tường Tâm	Thôn 3, xã Tân Lập và thôn 8, xã Đăk Tơ Lung, huyện Kon Rẫy	Cát XD	1	1.602.577	573.619	1,9	4.050	
	02/7/2020				2	1.602.556	573.587			
					3	1.602.631	573.584			
					4	1.602.631	573.580			
					5	1.602.574	573.558			
					6	1.602.551	573.558			

STT	Số Giấy phép, ngày cấp	Tên đơn vị	Vị trí	Loại KS	Tọa độ VN 2000			Diện tích	Công suất (m ³ /năm)	Ghi chú
					Điểm góc	X	Y			
					7	1.602.373	573.465			
					8	1.602.366	573.467			
					9	1.602.306	573.465			
					10	1.602.113	573.478			
					11	1.602.117	573.513			
					12	1.602.363	573.499			
					13	1.602.507	573.571			
					14	1.602.551	573.633			
32	821/GP- UBND	Công ty TNHH MTV Thành Phú Ngọc Hồi	Thôn Chả Nội 2, xã Đăk Nông ;thôn Đăk Romea, xã Đăk Ang, huyện Ngọc Hồi và thôn Đăk Kon, xã Đăk Rơ Nga, huyện Đăk Tô	Cát XD	1	1.633.249	521.366	1,5505	2.517	
	07/8/2018				2	1.633.244	521.394			
					3	1.632.964	521.301			
					4	1.632.922	521.226			
					5	1.632.897	521.154			
					6	1.632.845	521.064			
					7	1.632.874	521.054			
					8	1.632.928	521.157			
					9	1.632.951	521.226			
					10	1.632.985	521.276			
					11	1.631.632	521.353	0,4341		
					12	1.631.619	521.367			
					13	1.631.531	521.301			
					14	1.631.487	521.313			
					15	1.631.476	521.288			
					16	1.631.519	521.273			

STT	Số Giấy phép, ngày cấp	Tên đơn vị	Vị trí	Loại KS	Tọa độ VN 2000			Diện tích	Công suất (m ³ /năm)	Ghi chú
					Điểm góc	X	Y			
					17	1.628.726	522.016			
33	837/GP- UBND	Công ty TNHH MTV Thành Phú Ngọc Hồi	Thôn Nông Nhảy II, xã Đăk Nông và thôn 6, thị trấn Plei Kần, huyện Ngọc Hồi và thôn Đăk Kon, xã Đăk Rơ Nga, huyện Đăk Tô		1	1.629.957	521.774	0,7874	2.621	
	14/8/2018				2	1.629.936	521.794			
					3	1.629.905	521.756			
					4	1.629.900	521.733			
					5	1.629.882	521.725			
					6	1.629.854	521.687			
					7	1.629.798	521.608			
					8	1.629.757	521.562			
					9	1.629.767	521.536			
				Cát XD	10	1.629.799	521.566			
					11	1.629.792	521.575			
					12	1.629.814	521.609			
					13	1.629.828	521.599			
					14	1.629.875	521.663			
					15	1.629.909	521.709			
					16	1.629.922	521.750			
					17	1.629.941	521.750			
					18	1.628.926	521.922	1,2744		
					19	1.628.943	521.929			
					20	1.628.922	521.990			
					21	1.628.905	522.008			
					22	1.628.822	522.045			
					23	1.628.767	522.033			

STT	Số Giấy phép, ngày cấp	Tên đơn vị	Vị trí	Loại KS	Tọa độ VN 2000			Diện tích	Công suất (m ³ /năm)	Ghi chú
					Điểm góc	X	Y			
					24	1.628.726	522.016			
					25	1.628.688	522.017			
					26	1.628.623	522.032			
					27	1.628.591	522.048			
					28	1.628.567	522.014			
					29	1.628.667	521.978			
					30	1.628.696	521.993			
					31	1.628.729	521.995			
					32	1.628.787	522.008			
					33	1.628.838	522.005			
					34	1.628.880	521.970			
					35	1.628.899	521.984			
					36	1.628.913	521.975			
					37	1.628.909	521.951			
34	994/GP- UBND	Công ty TNHH Minh Hường Kon Tum	Thôn 9, xã Ia Toi, huyện Ia H'Drai	Cát XD	1	1.556.776	512.582	0.98	14.700	
	18/9/2018				2	1.556.769	512.607			
					3	1.556.430	512.524			
					4	1.556.438	512.495			
35	1222/GP- UBND	Công ty TNHH Hưng Long	Thôn Đăk Gô, xã Đăk Kroong, huyện Đăk Glei	Cát XD	1	1.654.453	524.146	6	6.700	
	02/11/2018				2	1.654.456	524.211			
					3	1.654.279	524.178			
					4	1.654.127	524.330			
					5	1.653.968	524.284			
					6	1.653.873	524.224			
					7	1.653.638	524.233			

STT	Số Giấy phép, ngày cấp	Tên đơn vị	Vị trí	Loại KS	Tọa độ VN 2000			Diện tích	Công suất (m ³ /năm)	Ghi chú
					Điểm góc	X	Y			
					8	1.653.490	524.153			
					9	1.653.490	524.108			
					10	1.653.712	524.191			
					11	1.653.850	524.142			
					12	1.654.119	524.281			
					13	1.654.258	524.125			
36	1245/GP- UBND	Công ty TNHH MTV Linh Vũ Ngọc Hồi	Thôn Kà Nhảy, xã Đăk Nông và tiểu khu 154, xã Đăk Ang, huyện Ngọc Hồi	Cát, sỏi XD	1	1.635.825	521.551	1,367	3.038	
	8/11/2018				2	1.635.854	521.573			
					3	1.635.790	521.605			
					4	1.635.725	521.582			
					5	1.635.610	521.242			
					6	1.635.640	521.235			
					7	1.635.663	521.303			
					8	1.635.662	521.331			
					9	1.635.703	521.422			
					10	1.635.747	521.552			
37	1354/GP- UBND	Công ty CP Tân Hưng	Thôn Kon Rơ Lang, xã Đăk Blà và thôn Kon Jơ Rì, xã Đăk Rơ Wa, thành phố Kon Tum	Cát XD	1	1.589.241	558.255	1,25	15.000	
	03/12/2018				2	1.589.206	558.225			
					3	1.589.012	558.420			
					4	1.589.053	558.445			
38	221/GP- UBND	HKD Thạch Thị Sa	Vị trí 2, thôn 6, xã Kon Đào, huyện Đăk Tô	Cát XD	1	1.625.467	535.206	0,2972	2.229	
	08/3/2019				2	1.625.450	535.208			

STT	Số Giấy phép, ngày cấp	Tên đơn vị	Vị trí	Loại KS	Tọa độ VN 2000			Diện tích	Công suất (m ³ /năm)	Ghi chú
					Điểm góc	X	Y			
					3	1.625.432	535.137			
					4	1.625.422	535.117			
					5	1.625.423	535.096			
					6	1.625.427	535.061			
					7	1.625.444	535.057			
					8	1.625.445	535.100			
					9	1.625.457	535.162			
					10	1.625.462	535.172			
39	222/GP- UBND	HKD Nguyễn Văn Bảy	Vị trí 1, thôn 6, xã Kon Đào, huyện Đắk Tô		1	1.625.549	535.296	0,3109	2.425	
	08/3/2019				2	1.625.554	535.310			
					3	1.625.535	535.324			
					4	1.625.513	535.322			
					5	1.625.477	535.297			
					6	1.625.452	535.238			
					7	1.625.450	535.208			
					8	1.625.467	535.206			
					9	1.625.474	535.228			
					10	1.625.473	535.245			
					11	1.625.482	535.277			
					12	1.625.494	535.288			
					13	1.625.510	535.298			
					14	1.625.532	535.302			
					15	1.625.545	535.299			
40	444/GP- UBND	Công ty TNHH MTV Long Thịnh Lộc	Thôn Broong Mỹ, xã Đắk Môn, huyện Đắk Glei và thôn Đắk Giá, xã Đắk Ang, huyện Ngọc Hồi	Cát XD	I.1	1.646.555	522.499	0,47	4.115	

STT	Số Giấy phép, ngày cấp	Tên đơn vị	Vị trí	Loại KS	Tọa độ VN 2000			Diện tích	Công suất (m ³ /năm)	Ghi chú
					Điểm góc	X	Y			
	08/5/2019				I.2	1.646.546	522.518			
					I.3	1.646.367	522.444			
					I.4	1.646.378	522.419			
41	566/GP- UBND	Công ty TNHH Hoàng Long Hưng	Thôn Đắk Tông, xã Ngọc Tụ, huyện Đắk Tô	Cát, sỏi XD	1	1.627.190	529.847	0,3191	2.323	
	03/6/2019				2	1.627.160	529.890			
					3	1.627.098	529.946			
					4	1.627.050	529.954			
					5	1.627.081	529.923			
					6	1.627.145	529.881			
					7	1.627.179	529.841			
42	1290/GP- UBND	Công ty TNHH Việt Trung - GiaLai	Tại ranh giới xã Ia Ly, xã Ya Xiêr và thị trấn Sa Thầy, huyện Sa Thầy	Cát, sỏi XD	I.1	1.589.991	532.734	0,7924	5.019	
	11/11/2019				I.2	1.589.978	532.773			
					I.3	1.589.918	532.741			
					I.4	1.589.875	532.801			
					I.5	1.589.846	532.779			
					I.6	1.589.886	532.724			
					I.7	1.589.908	532.654			
					I.8	1.589.937	532.660			
					I.9	1.589.927	532.701			
43	797/GP- UBND	HKD Phạm Văn Bùng	Thôn Tê Pheo, xã Đắk Trăm, huyện Đắk Tô	Cát XD	I.1	1.633.401	538.491	0,4271	2.000	
	02/8/2019				I.2	1.633.425	538.468			
					I.3	1.633.408	538.435			
					I.4	1.633.396	538.376			
					I.5	1.633.374	538.348			
					I.6	1.633.351	538.370			

STT	Số Giấy phép, ngày cấp	Tên đơn vị	Vị trí	Loại KS	Tọa độ VN 2000			Diện tích	Công suất (m ³ /năm)	Ghi chú
					Điểm góc	X	Y			
44	1013/GP- UBND	HKD Trần Đình Trọng	Thôn Brông Mỹ, xã Đắk Môn, huyện Đắk Glei và thôn Đắk Giá, xã Đắk Ang, huyện Ngọc Hồi	Cát, sỏi XD	1	1.647.352	522.667	0,95	2.100	
	20/9/2019				2	1.647.319	522.698			
					3	1.647.247	522.619			
					4	1.647.269	522.607			
					5	1.647.333	522.643			
					6	1.647.117	522.576			
					7	1.647.117	522.592			
					8	1.646.973	522.577			
					9	1.646.955	522.583			
					10	1.646.936	522.540			
					11	1.646.968	522.533			
45	1414/GP- UBND	HTX Vạn Thành	Thôn Chả Nội 2, xã Đắk Nông và thôn Đắk Rơ Me, huyện Ngọc Hồi	Cát, sỏi XD	I.1	1.632.246	521.539	0,96	3.000	
	12/12/2019				I.2	1.632.232	521.607			
					I.3	1.632.211	521.614			
					I.4	1.632.108	521.593			
					I.5	1.632.122	521.526			
					I.6	1.632.165	521.523			
46	93/GP- UBND	Công ty TNHH MTV Thiện Chí Kon Tum	thôn 7, xã Đắk Pxi, huyện Đắk Hà	Cát sỏi XD	1	1.624.785	549.575	1,52	3.000	
	22/1/2020				2	1.624.785	549.620			
					3	1.624.600	549.615			
					4	1.624.430	549.580			
					5	1.624.430	549.544			
					6	1.624.600	549.570			
47	309/GP-	Công ty TNHH	Vị trí 3 - thôn 7, xã Đắk Pxi,	Cát sỏi	1	1.625.315	549.685	1,5561	3.075	

STT	Số Giấy phép, ngày cấp	Tên đơn vị	Vị trí	Loại KS	Tọa độ VN 2000			Diện tích	Công suất (m ³ /năm)	Ghi chú
					Điểm góc	X	Y			
	UBND	Huy Hoàng	huyện Đắk Hà	XD						
	03/4/2020				2	1.625.315	549.728			
					3	1.625.277	549.723			
					4	1.624.985	549.635			
					5	1.624.985	549.590			
48	349/GP-UBND	Công ty CP XLD Đức Bảo Kon Tum	Thôn 3 và thôn 5, TT Đắk Rve, huyện kon Rẫy	Cát sỏi XD	A	1.604.473	581.937	0,45449	4.135	
	13/4/2020				B	1.604.427	581.869			
					C	1.604.398	581.888			
					D	1.604.439	581.961			
					E	1.604.429	581.968			
					F	1.604.401	581.921			
					G	1.604.397	581.925			
					H	1.604.423	581.971			
					I	1.604.394	581.992			
					J	1.604.346	581.923			
					K	1.604.337	581.929			
					L	1.604.386	581.997			
49	153/GP-UBND	Công ty TNHH ĐTXD Khai thác KS Thái Sơn	Thôn 1, thôn 2, xã Tân Lập và thôn 10, thôn 11, xã Đắk Rưởn, huyện Kon Rẫy	Cát sỏi XD	1	1.598.655	574.166	5,0	18.061	
	21/02/2020				2	1.598.683	574.205			
					3	1.598.500	574.367			
					4	1.598.230	574.540			
					5	1.598.136	574.512			
					6	1.597.737	574.143			
					7	1.597.760	574.114			
					8	1.598.158	574.475			
					9	1.598.230	574.485			

STT	Số Giấy phép, ngày cấp	Tên đơn vị	Vị trí	Loại KS	Tọa độ VN 2000			Diện tích	Công suất (m ³ /năm)	Ghi chú
					Điểm góc	X	Y			
50	701/GP- UBND 27/7/2020	Công ty Cổ phần Sinh Lợi Kon Tum	Thôn 12 và thôn 14 xã Đăk Ruồng, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum	Cát XD	10	1.598.500	574.315	1,824	4.050	
					1	1.597.105	571.039			
					2	1.597.054	571.071			
					3	1.596.952	570.948			
					4	1.596.918	570.882			
					5	1.596.992	570.837			